

Số: /BGDDĐT-GDMN

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

V/v Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ
giáo dục mầm non năm học 2022-2023

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh/thành phố;
- Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ tỉnh Bạc Liêu;
- Ban phụ nữ Quân đội.

Thực hiện Quyết định số 2159/QĐ-BGDDĐT ngày 05/8/2022 về Khung kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với Giáo dục Mầm non (GDMN), giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Chỉ thị số 1112/CT-BGDDĐT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022-2023, với tinh thần “Đoàn kết, sáng tạo, ra sức phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ và mục tiêu đổi mới, củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo”, Bộ GDĐT ban hành Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDMN năm học 2022-2023 như sau:

I. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về GDMN; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDMN;
2. Chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch năm học linh hoạt, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em, hoàn thành nhiệm vụ năm học, đáp ứng yêu cầu đổi mới và bảo đảm chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong bối cảnh mới;
3. Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN, tiếp tục triển khai thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025” (LTLTT); triển khai thí điểm Chương trình giáo dục mầm non mới;
4. Tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch, phát triển mạng lưới trường, lớp, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế, đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ em; củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non trẻ em năm tuổi (PCGDMNTNT), thực hiện phổ cập giáo dục mầm non trẻ em mẫu giáo (PCGDMNTEMG) ở những nơi có điều kiện; phát triển GDMN cho trẻ em dưới 5 tuổi; hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn.
5. Nâng cao chất lượng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, khắc phục tình trạng thiếu giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; đẩy

mạnh công tác truyền thông về GDMN.

Năm học 2022-2023 GDMN tiếp tục thực hiện chủ đề “Xây dựng trường mầm non xanh – an toàn – thân thiện”.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục

1.1. Triển khai kịp thời các văn bản, chính sách về GDMN, bảo đảm các điều kiện để thực hiện Chương trình GDMN

- Ngành giáo dục phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu thực hiện đúng, đủ các quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định chính sách phát triển GDMN; đặc biệt tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân ban hành danh mục dịch vụ không sử dụng ngân sách nhà nước, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy định khung giá và mức giá dịch vụ trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, bao gồm: dịch vụ bán trú, dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ, dịch vụ đưa đón trẻ. Tham mưu ban hành các chính sách của địa phương, đầu tư cơ sở vật chất xây dựng trường lớp, tuyển dụng giáo viên bảo đảm số lượng và chất lượng đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ, tăng cường huy động trẻ ra lớp; đặc biệt quan tâm chính sách nâng cao chất lượng giáo dục mầm non vùng khó khăn, miền núi, dân tộc thiểu số.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo về GDMN¹.

- Tham mưu với cấp ủy, chính quyền thực hiện có hiệu quả kế hoạch phát triển GDMN của địa phương giai đoạn 2018-2025 phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương.

- Hướng dẫn tổ chức thực hiện, tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 11/8/2022 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học ngoài công lập gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 và Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg ngày 27/4/2022 của Thủ

¹Lưu ý các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành: Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập; Nghị định 71/2020/NĐ-CP, ngày 30/6/2020 quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn đào tạo giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; Thông tư 30/2021/TT-BGDĐT, ngày 05/11/2021 quy định quy trình biên soạn, thẩm định, phê duyệt và lựa chọn tài liệu để sử dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non; Thông tư 45/2021/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2021 quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN; Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non; Thông tư 49/2021/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2021 ban hành Quy chế hoạt động nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập dân lập và tư thục; Thông tư 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo; Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình GDMN; Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 ban hành Điều lệ trường mầm non...

tướng Chính phủ về tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19.

1.2. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục theo hướng phân cấp, phân quyền, tự chủ gắn với cơ chế giám sát và trách nhiệm giải trình

- Giao quyền tự chủ về quản lý thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, gắn với nâng cao trách nhiệm giải trình trước xã hội, người học, cơ quan quản lý; tăng cường sự tham gia của gia đình và xã hội trong giám sát các hoạt động của cơ sở giáo dục; tăng cường công tác đối thoại giữa nhà trường với cha mẹ trẻ và các tổ chức, cá nhân liên quan về các vấn đề xã hội đang quan tâm. Giao quyền chủ động cho CSGDMN, CBQL, giáo viên trong công tác lập Kế hoạch, phát triển chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.

- Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý, quản trị nhà trường; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong GDMN; đổi mới hình thức, nội dung sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu và thực hiện công khai theo qui định.

- Thực hiện đúng các quy định về quản lý tài chính trong các cơ sở GDMN; tăng cường kiểm tra, giám sát các khoản thu đầu năm học; xử lý nghiêm các đơn vị, cá nhân vi phạm các quy định về quản lý tài chính nhằm chấn chỉnh tình trạng lạm thu, thu sai quy định trong các cơ sở GDMN.

- Tăng cường đổi mới hình thức, nội dung sinh hoạt chuyên môn bảo đảm đúng quy định, linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi cơ sở GDMN; sử dụng hệ thống hồ sơ sổ sách đúng quy định, khoa học, tinh gọn, hiệu quả đáp ứng việc thực hiện nhiệm vụ trong cơ sở GDMN; thực hiện các biện pháp chấn chỉnh việc lạm dụng hồ sơ sổ sách trong cơ sở GDMN².

1.3. Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với cơ sở GDMN

- Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá của các cấp quản lý giáo dục đối với cơ sở GDMN theo hướng hiệu quả, đề cao vai trò giám sát, tư vấn, hỗ trợ, tránh hình thức gây áp lực cho giáo viên mầm non; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, thực chất, hiệu quả nhằm mục đích thực hiện nghiêm túc các quy định và nâng cao chất lượng thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong cơ sở GDMN.

- Tăng cường công tác phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp, các ban, ngành, đoàn thể, huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư trong việc quản lý GDMN,

² Chỉ thị số 138/CT-BGDĐT ngày 18/01/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường

đặc biệt là GDMN tư thực, dân lập. Tăng cường công tác kiểm tra điều kiện và hậu kiểm điều kiện thành lập, cho phép thành lập và cho phép hoạt động các cơ sở GDMN theo quy định; tiếp tục xây dựng, nhân rộng các mô hình điểm về quản lý các nhóm, lớp độc lập tư thực. Kiên quyết đình chỉ các nhóm/lớp độc lập không bảo đảm các điều kiện theo quy định; xử lý nghiêm những cá nhân, tổ chức vi phạm.

2. Rà soát, sắp xếp và phát triển hệ thống mạng lưới trường, lớp; tăng cường cơ sở vật chất; nâng cao chất lượng kiểm định và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia

2.1. Tăng cường công tác quy hoạch, bố trí quỹ đất để xây dựng trường, lớp mầm non, đặc biệt là tại các địa bàn đông dân cư, KCN, KCX; tiếp tục đẩy mạnh phát triển các cơ sở GDMN dân lập, tư thực để giảm áp lực cho trường mầm non công lập.

2.2. Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp mầm non theo tinh thần Nghị quyết số 19/NQ-TW và Công văn số 3712/BGDĐT-CSVC ngày 24/8/2018, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương các phương án sắp xếp phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô phát triển; không sáp nhập các trường mầm non vào các trường phổ thông; tham mưu kế hoạch tách trường mầm non đã sáp nhập vào các trường phổ thông; không sáp nhập trường, điểm trường khi không bảo đảm các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất; việc sáp nhập phải bảo đảm quyền lợi đến trường của trẻ em; bảo đảm mỗi xã, phường có ít nhất một trường mầm non công lập.

2.3. Tăng cường thu hút các nguồn lực đầu tư cho GDMN.

- Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu bảo đảm thực hiện Chương trình GDMN; tiếp tục lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án và triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Bảo đảm cơ sở vật chất thực hiện chương trình GDMN, phổ thông giai đoạn 2018-2025”. Chủ động tham mưu chính quyền địa phương quan tâm đầu tư CSVC để bảo đảm tỉ lệ 01 phòng học/lớp; bảo đảm sĩ số trẻ em/nhóm, lớp theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định.

- Ưu tiên đầu tư kinh phí của Trung ương và địa phương để đầu tư cho cơ sở GDMN công lập ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các xã, huyện, thị trấn thuộc miền núi, biên giới, hải đảo; ưu tiên bảo đảm CSVC đáp ứng yêu cầu duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập; tiếp tục cải tạo, nâng cấp trường lớp, CSVC đáp ứng tiêu chuẩn hiện hành. Rà soát, bổ sung đồ chơi, học liệu tại các cơ sở GDMN bảo đảm quy định về số lượng và chất lượng; bố trí kinh phí và huy động nguồn lực để mua sắm bổ sung các đồ dùng, đồ chơi, thiết bị, tài liệu, học liệu để thực hiện Chương trình GDMN theo yêu cầu chuẩn hóa và hiện đại.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp giải quyết vấn đề trường, lớp mầm non ở khu vực có KCN, KCX theo Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường công tác dự báo quy mô phát triển, quy hoạch đất dành cho giáo dục, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng trường mầm non. Hỗ trợ trang bị CSVC đối với cơ sở GDMN độc lập ở địa bàn có KCN thuộc loại hình dân lập, tư thực theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP về chính sách phát triển GDMN. Khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí từ các Chương trình, đề án đã được phê duyệt và nguồn lực xã hội hóa để đầu tư xây dựng đủ phòng học, CSVC, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng nhu cầu huy động trẻ em đến trường. Đẩy mạnh các giải pháp phát triển trường lớp đáp ứng nhu cầu chăm sóc giáo dục con công nhân, người lao động ở khu vực có KCN, KCX, khu đông dân cư.

2.4. Tiếp tục thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và kiểm tra công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non; quan tâm đầu tư cho các trường mầm non đã đạt chuẩn hiện đang xuống cấp không bảo đảm điều kiện duy trì kết quả đạt chuẩn.

2.5. Thực hiện các chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển GDMN theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025.

3. củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; tiến tới phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo vào năm 2030

3.1. Thực hiện công tác kiểm tra, thẩm định, công nhận đạt chuẩn phổ cập GDMNTENT bảo đảm quy trình, hiệu quả: Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

3.2. Triển khai Kế hoạch thực hiện kết luận số 51-KL/TW theo Quyết định số 1696/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2020, Trong năm học 2022-2023, Bộ GDĐT xây dựng đề án phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo và nâng cao chất lượng PCGDMNTNT trình Chính phủ. Các địa phương tiếp tục rà soát, bổ sung các điều kiện đội ngũ và CSVC bảo đảm để thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMNTNT, đặc biệt ở các đơn vị chưa đạt; không để xảy ra tình trạng đạt tiêu chuẩn phổ cập nhưng thiếu giáo viên, thiếu cơ sở vật chất. Các địa phương có điều kiện xây dựng và tham mưu chính quyền địa phương kế hoạch triển khai công tác PCGDMNMG, tiến tới PCGDMG toàn quốc vào năm 2030.

3.3. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo kết quả thực hiện PCGD-XMC (trong đó có PCGDMNTNT) về Bộ GDĐT (Vụ GDMN) theo quy định; thực hiện

tốt công tác phối hợp điều tra, xử lý, cập nhật số liệu theo phần mềm PCGD-XMC bảo đảm đầy đủ, kịp thời, chính xác.

4. Nâng cao chất lượng hoạt động, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em

4.1. Sẵn sàng thích ứng linh hoạt với tình hình thiên tai, dịch bệnh; bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ.

- Chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh; phối hợp với ngành Y tế địa phương trong việc thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh (dịch Covid-19 và các dịch bệnh khác...), bảo đảm các yêu cầu, điều kiện về trang thiết bị trong phòng chống dịch bệnh. Xây dựng các phương án sẵn sàng ứng phó với những diễn biến phức tạp, bảo đảm thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo đảm an toàn cho trẻ em theo quy định của Chương trình GDMN phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương nếu xảy ra thiên tai, dịch bệnh.

- Thực hiện nghiêm túc Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN; tiếp tục đưa các nội dung Chuyên đề “Đẩy mạnh phòng chống bạo hành trẻ” vào nhiệm vụ thường xuyên của cơ sở GDMN; thực hiện việc giáo dục kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các cơ sở GDMN theo quy định tại Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11/05/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn trang bị kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục; thực hiện hiệu quả bộ quy tắc ứng xử theo quy định; quản lý chất lượng bữa ăn tại trường/lớp đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm, bảo đảm cân đối, hợp lý về dinh dưỡng, đa dạng thực phẩm và phù hợp với cá nhân trẻ, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong cơ sở GDMN. bảo đảm an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ em.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong công tác bảo đảm an toàn, phòng chống bạo lực học đường, tổ chức ăn bán trú, giáo dục an toàn giao thông, lồng ghép nội dung giáo dục phòng, chống tai nạn thương tích vào chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- Các cơ sở GDMN cần chú trọng công tác tự kiểm tra, đánh giá các tiêu chuẩn về an toàn nhằm phát hiện sớm và có biện pháp khắc phục kịp thời các yếu tố nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ các cơ sở GDMN trong việc thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cho trẻ; đặc biệt quan tâm giám sát việc thực hiện kết luận kiểm tra; xử lý nghiêm theo thẩm quyền hoặc đề xuất xử lý theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức và cá nhân để xảy ra mất an toàn đối với trẻ.

4.2. Quản lý chất lượng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo đảm an toàn cho trẻ em

- Tăng cường các hoạt động vệ sinh, chăm sóc và bảo đảm an toàn cho trẻ em trong cơ sở GDMN; đẩy mạnh giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, luyện tập một số thói quen tốt về tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe cho trẻ em; thực hiện tốt công tác y tế trường học, bảo đảm 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới; tăng cường các hoạt động vệ sinh, chăm sóc và bảo đảm an toàn cho trẻ em trong cơ sở GDMN; đẩy mạnh giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe;

- Xây dựng, nhân rộng các mô hình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, đặc biệt là mô hình phối hợp nhà trường, gia đình, cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; tăng cường phổ biến kiến thức chăm sóc giáo dục trẻ tại gia đình và cộng đồng; huy động sự đóng góp của nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước kết hợp với chính sách hỗ trợ của nhà nước để đầu tư CSVC, trang thiết bị, đồ dùng phục vụ việc tổ chức bữa ăn bán trú và công trình vệ sinh, nước sạch; có giải pháp hỗ trợ, nâng cao chất lượng bữa ăn cho trẻ em ở vùng khó khăn.

- Phối hợp với gia đình xây dựng chế độ dinh dưỡng, vận động hợp lý đối với trẻ để phòng chống suy dinh dưỡng và thừa cân, béo phì; đa dạng các hình thức tuyên truyền đến các bậc cha mẹ trẻ về chế độ dinh dưỡng cân đối, hợp lý giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất và phòng chống dịch bệnh.

4.3. Đổi mới hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động triển khai chủ đề năm học đối với GDMN "Xây dựng trường mầm non xanh - an toàn - thân thiện" gắn với việc thực hiện Chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm". Tổ chức đánh giá 02 năm thực hiện Chủ đề "Xây dựng trường mầm non xanh - an toàn - thân thiện".

- Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN, trong đó tập trung phát triển Chương trình giáo dục nhà trường theo quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp, LTLTT.

- + Thực hiện hiệu quả Chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm" giai đoạn 2021-2025". Tổ chức thực hiện các Tiêu chí xây dựng trường mầm non LTLTT theo Kế hoạch số 626/KH-BGDĐT ngày 30/6/2021 trong đó tập trung xây dựng môi trường xanh - an toàn - thân thiện và đổi mới phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quan điểm LTLTT; xây dựng, chỉ đạo thực hiện mô hình điểm về trường

mầm non LTLTT phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi địa phương, đơn vị. Tổ chức bồi dưỡng, hỗ trợ nâng cao năng lực thực hiện các nội dung chuyên đề. Các cấp quản lý tổ chức hỗ trợ chuyên môn đối với các đơn vị xây dựng mô hình điểm và nhân rộng đa dạng các mô hình. Trong năm học, Bộ GDĐT tiến hành kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch 626/KH-BGDĐT tại một số tỉnh, thành phố đại diện các vùng, miền kết hợp với Kế hoạch kiểm tra nhiệm vụ năm 2022 của Vụ GDMN; tổ chức hội thảo/tọa đàm, tham quan học tập chia sẻ kinh nghiệm triển khai thực hiện điểm Chuyên đề của các tỉnh, thành phố. Các địa phương chỉ đạo triển khai các nội dung của Chuyên đề, tổng kết kinh nghiệm và tổ chức sơ kết thực hiện Chuyên đề vào cuối năm học.

+ Triển khai thực hiện Quyết định số 5006/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Kế hoạch giai đoạn 2 thực hiện Đề án Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số (DTTS) theo Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Các địa phương có tỷ lệ trẻ em người DTTS cao cần quan tâm huy động các nguồn lực, ưu tiên đầu tư thực hiện Kế hoạch. Lựa chọn một số đơn vị làm điểm tập huấn chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm về triển khai tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ, nâng chất lượng tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người DTTS.

+ Tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh ở nơi có đủ điều kiện

Sở GDĐT các tỉnh, thành phố hướng dẫn các địa phương quản lý, tổ chức thực hiện cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh ở nơi có đủ điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đáp ứng tốt nhu cầu của trẻ em và gia đình trẻ, phù hợp với điều kiện của địa phương.

Cơ sở GDMN căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo và hướng dẫn của sở GDĐT, xác định nếu đủ điều kiện quy định tại Thông tư, đơn vị lập Kế hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh theo đúng quy định; lựa chọn, sử dụng tài liệu đã được Bộ GDĐT thẩm định, cho phép ban hành để sử dụng trong các cơ sở GDMN. Triển khai tổ chức thực hiện bảo đảm thiết thực, chất lượng, hiệu quả, đúng quy định.

+ Tiếp tục thực hiện hiệu quả các hoạt động chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào lớp Một, trong đó chú trọng các giải pháp phối hợp giữa mầm non và tiểu học, phù hợp yêu cầu liên thông từ mầm non lên tiểu học.

+ Tăng cường hỗ trợ thực hiện chương trình GDMN ở vùng đặc biệt khó khăn; tăng cường hỗ trợ chuyên môn cho các nhóm, lớp độc lập tự thực.

+ Tiếp tục xây dựng và khai thác hiệu quả kho tài liệu, học liệu, các video trực tuyến dùng chung để hỗ trợ thực hiện Chương trình đối với các cơ sở GDMN đồng thời hỗ trợ cha mẹ trẻ chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhà phù hợp với điều kiện của gia đình thông qua các ứng dụng zalo, viber, website nhà trường và các ứng dụng công nghệ khác đặc biệt trong bối cảnh diễn biến phức tạp của thiên tai, dịch bệnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động hàng ngày của cơ sở GDMN. Tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, nâng cao chất lượng giáo dục, hiệu quả quản lý. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý giáo GDMN các cấp và trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, bảo đảm tính thống nhất, khách quan, chính xác và kịp thời.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở GDMN triển khai thực hiện thí điểm Chương trình giáo dục mầm non mới³;

5. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non

5.1. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo. Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ; nâng cao đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, tình yêu thương và trách nhiệm bảo vệ trẻ; nâng cao năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; khuyến khích CBQL và giáo viên tự học và khai thác nguồn tài liệu, học liệu thông qua nhiều hình thức khác nhau. Triển khai thực hiện hiệu quả nội dung Kế hoạch số 637/KH-BGDĐT ngày 8/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch tập huấn hướng dẫn thực hiện Chương trình GDMN sau sửa đổi phù hợp với bối cảnh hiện nay và Kế hoạch số 215/KH-BGDĐT ngày 15/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch hướng dẫn nâng cao năng lực chuyên môn cho CBQL và GVMN đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; đổi mới nội dung và phương thức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN; quan tâm bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên làm việc tại cơ sở GDMN ngoài công lập. Chú trọng bồi dưỡng nâng cao chất lượng giáo viên người DTTS, hỗ trợ giáo viên sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ trong chăm sóc, giáo dục trẻ. Xây dựng và mở rộng mô hình dạy tiếng DTTS cho giáo viên công tác tại các vùng có đồng bào DTTS.

Các cơ sở GDMN tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh (Chỉ thị số 05-CT/TW và Chỉ thị số 27-CT/TTg); thực hiện

³ Bộ GDĐT sẽ có kế hoạch, công văn hướng dẫn cụ thể đối với những tỉnh/TP, cơ sở GDMN thực hiện thí điểm Chương trình GDMN mới.

hiệu quả bộ quy tắc ứng xử trong các cơ sở GDMN (Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019).

5.2. Rà soát, đánh giá kết quả đạt được và tiếp tục triển khai thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý GDMN giai đoạn 2018-2025, bồi dưỡng giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo quy định tại Luật Giáo dục sửa đổi 2019, Thông tư số 24/2020/TT-BGDĐT ngày 25/8/2020 của Bộ GDĐT về việc quy định việc sử dụng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở GDMN, tiểu học, trung học cơ sở chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo; triển khai Kế hoạch tổng thể thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên mầm non theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP; tiếp tục thực hiện việc đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên theo quy định.

Chủ động, tăng cường phối hợp với các cơ sở đào tạo giáo viên mầm non trong việc bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý ở các cơ sở giáo dục công lập, tư thục, dân lập theo Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12/11/2019 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên.

5.3. Tiếp tục thực hiện tốt công tác tham mưu các cấp bảo đảm đủ số lượng giáo viên theo quy định, bố trí bảo đảm ít nhất 02 giáo viên/lớp; tăng cường và tuyển dụng kịp thời đối với GVMN còn thiếu nhằm bảo đảm tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo Chương trình GDMN và bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ ở trường. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với GVMN theo quy định hiện hành.

5.4. Các địa phương tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố có các chính sách đặc thù của địa phương nhằm ưu đãi, tôn vinh, biểu dương đối với những nhà giáo tiêu biểu, có đóng góp tích cực hoặc có thành tích đột xuất trong ngành giáo dục, có chính sách thu hút giáo viên mầm non.

6. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2025. Triển khai Đề án Chiến lược hợp tác quốc tế khi Đề án được Chính phủ phê duyệt; thực hiện Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ về hợp tác, đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Sở GDĐT các tỉnh, thành phố chủ động phối hợp với các sở, ngành tổ chức xây dựng kế hoạch, lộ trình thu hút các nguồn lực xã hội cho phát triển GDMN giai đoạn 2019-2025;

Tăng cường rà soát, đánh giá và quản lý các cơ sở GDMN liên kết, hợp tác đầu tư với nước ngoài. Đánh giá hiệu quả việc thực hiện các đề án liên kết giáo dục và thực hiện chương trình giáo dục tích hợp.

Tăng cường hướng dẫn các cơ sở GDMN nghiên cứu, học hỏi, áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; tăng cường hợp tác và đầu tư với nước ngoài, khuyến khích hợp tác với các cơ sở GDĐT từ các quốc gia phát triển, đẩy mạnh hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non giữa các cơ sở GDMN với các tổ chức quốc tế.

Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong GDMN tại địa phương; đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm trong việc xây dựng và thực hiện đổi mới nội dung chương trình, phương pháp GDMN trong các cơ sở GDMN có điều kiện, cơ hội tiếp cận và hội nhập.

Sở GDĐT các tỉnh, thành phố tham mưu UBND các tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch phát triển GDMN, trong đó ưu tiên lồng ghép các nội dung xã hội hóa, phát triển cơ sở GDMN ngoài công lập trong các chương trình, kế hoạch phát triển phù hợp điều kiện, mức độ phát triển kinh tế - xã hội và các giải pháp tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển GDMN tại địa phương; rà soát, điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công theo hướng ưu tiên các dự án xây dựng cơ sở GDMN tại KCN, KCX, khu vực đông dân cư, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn hoặc sử dụng một phần kinh phí trích từ nguồn kinh phí thu từ KCN, KCX để tái đầu tư xây dựng trường, lớp mầm non chuyển giao cho các cá nhân, tổ chức quản lý, điều hành hoạt động theo hình thức đối tác công tư (PPP); xem xét quy định lại các chính sách xã hội hóa về đất đai cho phù hợp với Luật Quy hoạch làm cơ sở giải quyết các ưu đãi cho nhà đầu tư được hưởng chính sách xã hội hóa theo quy định

7. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Triển khai Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2022 về đẩy mạnh việc chuyển đổi số trong GDMN, tăng cường cải cách hành chính, ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành, tuyển sinh, chăm sóc, giáo dục trẻ, công khai chất lượng giáo dục. Chuẩn hóa CSDL ngành và dữ liệu PCGD-XMC.

Tăng cường ứng dụng CNTT để từng bước chuyển đổi hồ sơ giấy, sang hồ sơ điện tử, hỗ trợ trong công tác quản lý (lập kế hoạch, theo dõi chỉ đạo, quản lý bán trú, quản lý đồ dùng, đồ chơi, quản lý đưa đón trẻ hàng ngày...) để nâng cao chất lượng quản lý điều hành hoạt động của nhà trường.

Từng bước số hóa các nội dung giáo dục, triển khai các phương tiện trực tuyến để hướng dẫn, hỗ trợ CBQL, GV, cha mẹ trẻ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

8. **Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non**

Chủ động thông tin, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động truyền thông, quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của Bộ về đổi mới và phát triển GDMN. Phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường thông tin, truyền thông về GDMN, tôn vinh các tấm gương điển hình, tiêu biểu có nhiều đóng góp phát triển GDMN.

Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông trong việc phổ biến và hướng dẫn các cơ sở GDMN thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về GDMN; chương trình GDMN; công tác PCGDMN cho trẻ em mẫu giáo; hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn và vùng có khu công nghiệp; công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng giáo viên người DTTS, hỗ trợ giáo viên sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ trong chăm sóc, giáo dục trẻ; mô hình dạy tiếng DTTS cho giáo viên công tác tại các vùng có đồng bào DTTS. Tăng cường truyền thông về kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Đẩy mạnh việc phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ và cộng đồng bằng nhiều hình thức, bảo đảm hiệu quả, phù hợp, có sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng; tiếp tục phối hợp chặt chẽ với cha mẹ trẻ trong việc hướng dẫn cha mẹ về nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non; tăng cường công tác tuyên truyền đối với cha mẹ trẻ và cộng đồng nhằm tăng tỷ lệ huy động trẻ đến trường, đặc biệt quan tâm tăng tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đến trường, tránh việc thừa phòng học nhưng trẻ nhà trẻ không được đến trường.

III. **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Trên cơ sở các nhiệm vụ nêu trên, căn cứ yêu cầu, điều kiện và tình hình thực tiễn của địa phương, Sở GDĐT tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền, xây dựng và triển kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Mầm non năm học 2022-2023 phù hợp, hiệu quả. Thực hiện báo cáo kết quả thực hiện theo quy định (có Phụ lục Báo cáo kèm theo Công văn này). Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Sở GDĐT phản ánh về Bộ GDĐT (qua Vụ GDMN) để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên (để t/h);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để p/h c/d);
- Chủ tịch UBND các tỉnh/TP(để p/h c/d);
- Các đơn vị thuộc Bộ GDĐT (để p/h);
- Cổng thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ GDMN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Ngô Thị Minh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**Phụ lục 1****LỊCH NỘP BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH GIÁO DỤC MẦM NON
NĂM HỌC 2022-2023***(Kèm theo công văn ~~4216~~/BGDĐT-GDMN ngày ~~30~~ tháng ~~8~~ năm 2022 của Bộ GDĐT)*

TT	Kỳ báo cáo	Thời gian nộp	Báo cáo cần nộp	Hình thức báo cáo
1	Báo cáo đầu năm học	Chậm nhất ngày 25/11/2022	1. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non đầu năm học 2022-2023 (theo đề cương gửi kèm). 2. Biểu thống kê giáo dục mầm non kỳ đầu năm học (EMIS), thời gian nộp quy định tại Thông tư 24/2018/TT-BGDĐT và văn bản của Bộ GDĐT (Biểu 01-MN-ĐN - Trích xuất trên phần mềm CSDL ngành, đã được kiểm tra, rà soát, chỉnh sửa số liệu).	Các đơn vị báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ GDMN) qua: 1. Hệ thống hành chính điện tử (eoffice). 2. Bản mềm qua thư điện tử: vugdmn@moet.gov.vn, hnhien@moet.gov.vn.
2	Báo cáo tổng kết năm học	Chậm nhất ngày 30/6/2023	1. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo văn bản Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023 đối với GDMN. 2. Biểu mẫu thống kê số liệu về Giáo dục Mầm non kỳ cuối năm học (EMIS): thời gian nộp quy định tại Thông tư 24/2018/TT-BGDĐT và văn bản của Bộ GDĐT (Biểu mẫu số 01-MN-CN - Trích xuất trên phần mềm CSDL ngành, đã được kiểm tra, rà soát, chỉnh sửa số liệu) và Biểu mẫu Excel kèm theo Công văn này.	

Phụ lục 2

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC MẦM NON ĐẦU NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo công văn ~~4216~~/BGDDT-GDMN ngày ~~30~~ tháng ~~8~~ năm 2022 của Bộ GDĐT)

1. Các văn bản trọng tâm đã triển khai

2. Quy mô trường, lớp, học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất

*** Lưu ý:**

Đơn vị nộp kèm biểu thống kê Emis đầu năm học (trích xuất trên cơ sở dữ liệu ngành, đã kiểm tra, rà soát, chỉnh sửa số liệu). Cách thức thống kê theo hướng dẫn tại Thông tư số 24/2018/TT-BGDDT ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.

Riêng nhóm/lớp ĐLTT chưa được cấp phép đề nghị không thống kê số lượng trẻ, đội ngũ, CSVC.

Đối với cơ sở ĐLTT (đã được cấp phép): Thống kê đầy đủ các mục.

3. Kinh phí

Đơn vị báo cáo kết quả đầu tư về kinh phí để đầu tư xây dựng CSVC, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho năm học mới 2022-2023.

4. Khó khăn, vướng mắc

5. Kiến nghị, đề xuất

Phụ lục 3

THỐNG KÊ SỐ LIỆU GIÁO DỤC MẦM NON NĂM HỌC 2022-2023**(Số liệu thống kê tại thời điểm 31/5/2023)***(Kèm theo công văn 4216/BGDĐT-GDMN ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Bộ GDĐT)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm học 2022-2023
A	NHÀ TRẺ, TRƯỜNG MẪU GIÁO, TRƯỜNG MẦM NON		
I	Tổng số	trường	0
	Nhà trẻ	trường	
	Trường mẫu giáo	trường	
	Trường mầm non	trường	
	Công lập (bao gồm: Nhà trẻ, Trường MG, Trường MN)	trường	
	Trường đạt chuẩn quốc gia	trường	
	Trường đạt chuẩn quốc gia công nhận mới trong năm học 2022-2023	trường	
	Số cơ sở GDMN thực hiện Chương trình tích hợp	cơ sở	
	Số cơ sở GDMN tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh	cơ sở	
	Số cơ sở GDMN được công nhận trường học an toàn PCTNTT theo Thông tư 45/2021/TT-BGDĐT	cơ sở	
II	Nhóm, lớp	nhóm, lớp	0
	Nhóm trẻ	nhóm	
	Lớp mẫu giáo	lớp	
	Nhóm, lớp công lập (bao gồm cả nhóm trẻ và lớp mẫu giáo)	nhóm, lớp	
III	Trẻ em	người	0
3.1	Trẻ em nhà trẻ trong độ tuổi	người	
	Trẻ em nhà trẻ đến trường, lớp	người	
	Trẻ em nhà trẻ được học 2 buổi/ngày	người	
	Trẻ em nhà trẻ được ăn bán trú	người	
	Trẻ em nhà trẻ khuyết tật	người	
	Trẻ em nhà trẻ khuyết tật được hòa nhập	người	
3.2	Trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi	người	
	Trẻ em mẫu giáo đến trường, lớp	người	
	Trẻ em mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh	người	
	Trẻ em mẫu giáo được học 2 buổi/ngày	người	

	Trẻ em mẫu giáo được ăn bán trú	người	
	Trẻ em mẫu giáo khuyết tật được hòa nhập	người	
	Trẻ em mẫu giáo khuyết tật	người	
3.3	Trẻ em 5 - 6 tuổi đến trường, lớp	người	
	Trẻ em 5 - 6 tuổi được học 2 buổi/ngày	người	
	Trẻ em 5 - 6 tuổi được ăn bán trú	người	
	Tổng số trẻ em công lập (bao gồm cả nhà trẻ và mẫu giáo)	người	
	Trẻ em nhà trẻ được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng	người	
	Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	người	
	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	người	
	Trẻ thừa cân, béo phì	người	
	Trẻ em mẫu giáo được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng	người	
	Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	người	
	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	người	
	Trẻ thừa cân, béo phì	người	
IV	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên	người	0
4.1	Cán bộ quản lý	người	0
4.1.1	Hiệu trưởng	người	0
	- Hiệu trưởng nhà trẻ	người	
	- Hiệu trưởng mẫu giáo, mầm non	người	
4.1.2	Phó Hiệu trưởng	người	0
	- Phó Hiệu trưởng nhà trẻ	người	
	- Phó Hiệu trưởng mẫu giáo, mầm non	người	
	Tổng số Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng công lập (bao gồm nhà trẻ và mẫu giáo)	người	
4.2	Giáo viên	người	0
4.2.1	Giáo viên nhà trẻ	người	
	Đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên	người	
	Trên chuẩn	người	
4.2.2	Giáo viên mẫu giáo	người	
	Đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên	người	
	Trên chuẩn	người	

4.2.3	Tổng số giáo viên công lập (bao gồm cả giáo viên nhà trẻ và mẫu giáo)	người	
4.3	Nhân viên	người	0
4.3.1	Nhân viên nhà trẻ	người	
4.3.2	Nhân viên mẫu giáo, mầm non	người	
4.3.3	Tổng số nhân viên công lập (bao gồm cả nhân viên nhà trẻ và mẫu giáo)	người	
V	Tổng số Phòng học	phòng	0
5.1	Trong đó: Phòng học kiên cố	phòng	
5.2	Phòng học bán kiên cố	phòng	
5.3	Phòng học tạm	phòng	
5.4	Phòng học nhờ, mượn	phòng	
5.5	Tổng số phòng học công lập (bao gồm phòng học kiên cố, bán kiên cố, tạm)	phòng	
VI	Tổng số phòng phục vụ học tập	phòng	0
6.1	Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật	phòng	
6.2	Nhà bếp	phòng	
6.3	Nhà vệ sinh	phòng	
VII	Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	Bộ	0
	Tổng số điểm trường (gồm cả điểm trung tâm và điểm lẻ)	điểm	
	Tổng số điểm trường (gồm cả điểm trung tâm và điểm lẻ) có sân chơi	điểm	
	Tổng số điểm trường (gồm cả điểm trung tâm và điểm lẻ) có nhà bếp	điểm	
	Tổng số điểm trường (gồm cả điểm trung tâm và điểm lẻ) có nhà vệ sinh	điểm	
	Số điểm trường lẻ	điểm	
	Số điểm trường lẻ có sân chơi	điểm	
	Số điểm trường lẻ có nhà bếp	điểm	
	Số điểm trường lẻ có nhà vệ sinh	điểm	
	Số nhóm, lớp có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định	Nhóm, lớp	
	Số trường có phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật	Trường	
	Số trường có thiết bị, đồ chơi ngoài trời tối thiểu theo quy định	Trường	
VIII	Tổng số đơn vị cấp xã	xã	
	Số đơn vị cấp xã đạt chuẩn PCGDMNTE5T	xã	
	Tổng số đơn vị cấp huyện	huyện	
	Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn PCGDMNTE5T	huyện	

B	NHÓM TRẺ ĐỘC LẬP, LỚP MẪU GIÁO ĐỘC LẬP, LỚP MẦM NON ĐỘC LẬP (Cơ sở GDMN độc lập)		
I	Tổng số	cơ sở	0
1	Cơ sở GDMN độc lập đã cấp phép	cơ sở	
2	Cơ sở GDMN độc lập (đang hoạt động) chưa cấp phép	cơ sở	
3	Nhóm trẻ độc lập quy mô tối đa 07 trẻ	cơ sở	
4	Nhóm trẻ độc lập quy mô trên 07 trẻ	cơ sở	
5	Lớp mẫu giáo độc lập	cơ sở	
6	Lớp mầm non độc lập	cơ sở	
7	Cơ sở GDMN độc lập có tổng số trẻ vượt quá quy định	cơ sở	
II	Nhóm, lớp bên trong nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập	nhóm, lớp	0
1	Nhóm trẻ	nhóm	
2	Nhóm trẻ ghép	nhóm	
3	Lớp mẫu giáo	lớp	
4	Lớp mẫu giáo ghép	lớp	
5	Lớp mầm non ghép	lớp	
III	Trẻ em	người	0
1	Trẻ em nhà trẻ	người	
1.1	Trẻ em nhà trẻ trong độ tuổi	người	
1.2	Trẻ em nhà trẻ đến nhóm, lớp	người	
1.3	Trẻ em nhà trẻ được học 2 buổi/ngày	người	
1.4	Trẻ em nhà trẻ được ăn bán trú	người	
2	Trẻ em mẫu giáo	người	
2.1	Trẻ em mẫu giáo trong độ tuổi	người	
2.2	Trẻ em mẫu giáo đến nhóm lớp	người	
2.3	Trẻ em mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh	người	
2.4	Trẻ em mẫu giáo được học 2 buổi/ngày	người	
2.5	Trẻ em mẫu giáo được ăn bán trú	người	
3	Trẻ em 5 - 6 tuổi	người	
3.1	Trẻ em 5 - 6 tuổi trong độ tuổi	người	
3.2	Trẻ em 5 - 6 tuổi đến nhóm, lớp	người	

3.3	Trẻ em 5 - 6 tuổi được học 2 buổi/ngày	người	
3.4	Trẻ em 5 - 6 tuổi được ăn bán trú	người	
4	Trẻ em nhà trẻ được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng	người	
4.1	Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	người	
4.2	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	người	
4.3	Trẻ suy dinh dưỡng thể còi cọc	người	
4.4	Trẻ thừa cân, béo phì	người	
5	Trẻ em mẫu giáo được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng	người	
5.1	Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	người	
5.2	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	người	
5.3	Trẻ suy dinh dưỡng thể còi cọc	người	
5.4	Trẻ thừa cân, béo phì	người	
IV	Tổng số nhân sự trong các nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập	người	0
1	Chủ cơ sở	người	0
1.1	Trung học phổ thông trở lên		
1.2	Dưới trung học phổ thông		
2	Quản lý chuyên môn	người	0
2.1	Cao đẳng sư phạm mầm non trở lên		
2.2	Dưới cao đẳng sư phạm mầm non		
3	Giáo viên	người	0
3.1	Đại học sư phạm mầm non trở lên		
3.2	Cao đẳng sư phạm mầm non		
3.3	Trung cấp sư phạm mầm non	người	
3.4	Dưới trung cấp	người	
4	Nhân viên	người	0
4.1	Có văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn	người	
4.2	Chưa có văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn	người	
5	Người nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	người	0
5.1	Đại học sư phạm mầm non trở lên	người	

5.2	Cao đẳng sư phạm mầm non	người	
5.3	Trung cấp sư phạm mầm non	người	
5.4	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm mầm non	người	
5.5	Chưa có văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn	người	
V	Cơ sở vật chất		
1	Có vị trí đặt cơ sở theo quy định	cơ sở	
2	Có hạng mục công trình theo quy định	cơ sở	
3	Có phòng NDCSGD trẻ em theo quy định	cơ sở	
4	Có phòng vệ sinh cho trẻ em theo quy định	cơ sở	
5	Có chỗ chơi hoặc sân chơi cho trẻ em theo quy định	cơ sở	
6	Có phòng vệ sinh cho giáo viên, nhân viên theo quy định	cơ sở	
7	Có chấn song cửa sổ, lan can cầu thang, các thiết bị điện theo quy định	cơ sở	
8	Có nước nóng và nước sinh hoạt hàng ngày theo quy định	cơ sở	
9	Có đồ dùng, đồ chơi, thiết bị theo quy định	cơ sở	